

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước
về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 16 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 201/TTr-SXD ngày 20 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 4 năm 2022 và thay thế Quyết định số 47/2019/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình và an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Văn phòng Chính phủ;
 - Bộ Xây dựng (*Báo cáo*);
 - Cục Kiểm tra VB QPPL - Bộ Tư pháp;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
 - Ủy ban MTTQVN tỉnh;
 - Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
 - Tòa án nhân dân tỉnh;
 - Sở Tư pháp;
 - Các Báo, Đài;
 - Chánh, Phó Văn phòng (KTN);
 - Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
 - Lưu: VT, KTN, Tan (224 bản)
- <F:\2021\UBT\Tham mưu XD\>

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Tấn Đức



QUY ĐỊNH

**Trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình
xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

(Kèm theo Quyết định số 18 /2022/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Ngoài các nội dung phân công, phân cấp tại Quy định này, công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng của Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan chuyên môn về xây dựng, các cơ quan, tổ chức, cá nhân, các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Việc quản lý đối với công trình xây dựng thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Chương II
TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Điều 3. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung dưới đây đối với các công trình quy định tại điểm a khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng (Sau đây viết tắt là Nghị định số 06/2021/NĐ-CP) trên địa bàn tỉnh, trừ các trường hợp đã phân công, giao nhiệm vụ cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai và Ủy ban nhân dân cấp huyện tại khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 5 Quy định này:

a) Tổ chức giám định xây dựng theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đối với các công trình thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Thực hiện các nội dung về đánh giá an toàn công trình quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

c) Tiếp nhận hồ sơ và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

d) Xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

đ) Xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

e) Xử lý phá dỡ công trình xây dựng theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

g) Báo cáo sự cố công trình cho Bộ Xây dựng theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

h) Giải quyết sự cố công trình xây dựng theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

i) Tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

k) Giải quyết sự cố sập đổ máy, thiết bị phục vụ công tác thi công xây dựng (*Sau đây gọi là sự cố về máy, thiết bị*) theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

l) Tổ chức điều tra sự cố về máy, thiết bị theo quy định tại Điều 50 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

m) Tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng.

2. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đối với công trình quy định tại điểm a khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP xây dựng trên địa bàn tỉnh, ngoài các Khu công nghiệp - Khu công nghệ cao, công nghệ sinh học (*Sau đây gọi chung là Khu công nghiệp - Khu công nghệ*), trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu quy định tại điểm a, b, d khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và công trình đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho phòng được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra tại khoản 3 Điều 6 Quy định này.

Điều 4. Trách nhiệm của các Sở: Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương (*Sau đây gọi chung là Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành*)

1. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung dưới đây đối với các công trình xây dựng chuyên ngành do đơn vị mình quản lý quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP xây dựng trên địa bàn tỉnh, trừ các trường hợp đã phân công, giao nhiệm vụ cho Ban

Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai và Ủy ban nhân dân cấp huyện tại Điều 5, Điều 6 Quy định này:

a) Tổ chức giám định xây dựng theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đối với các công trình thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Thực hiện các nội dung về đánh giá an toàn công trình quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

c) Tiếp nhận hồ sơ và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

d) Xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

đ) Xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

e) Xử lý phá dỡ công trình xây dựng theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

g) Báo cáo sự cố công trình cho Bộ Xây dựng theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

h) Giải quyết sự cố công trình xây dựng theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

i) Tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

k) Giải quyết sự cố về máy, thiết bị theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

l) Tổ chức điều tra sự cố về máy, thiết bị theo quy định tại Điều 50 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

m) Tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng; đồng gửi báo cáo đến Sở Xây dựng để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng.

2. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đối với công trình xây dựng chuyên ngành do đơn vị mình quản lý quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP xây dựng trên địa bàn tỉnh, ngoài các Khu công nghiệp - Khu công nghệ, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu quy định tại điểm a, b, d khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và công trình đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho phòng được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra tại khoản 3 Điều 6 Quy định này.

Điều 5. Trách nhiệm của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai

1. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung dưới đây đối với các công trình xây dựng trong các Khu Công nghiệp – Khu công nghệ do đơn vị mình quản lý:

a) Tổ chức giám định xây dựng theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

b) Rà soát các công trình xây dựng thuộc đối tượng phải đánh giá an toàn công trình trên địa bàn quản lý và đề xuất lộ trình thực hiện việc đánh giá an toàn công trình; gửi báo cáo kết quả về Sở Xây dựng, Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

c) Xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

d) Thực hiện nội dung xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế quy định tại điểm a khoản 6 Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

Rà soát các công trình xây dựng thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 6 Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, gửi báo cáo kết quả về Sở Xây dựng, Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý theo thẩm quyền;

đ) Xử lý phá dỡ công trình xây dựng theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

e) Giải quyết sự cố công trình xây dựng theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

g) Giải quyết sự cố về máy, thiết bị theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Thực hiện các nội dung dưới đây đối với các công trình xây dựng trong các Khu Công nghiệp – Khu công nghệ do đơn vị mình quản lý:

a) Tiếp nhận thông tin về sự cố công trình xây dựng, sự cố về máy, thiết bị; gửi báo cáo sự cố đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng và Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành ngay khi xảy ra sự cố công trình xây dựng, sự cố về máy, thiết bị;

b) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành trong việc tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng, tổ chức điều tra sự cố về máy, thiết bị;

c) Tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng.

3. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đối với công trình xây dựng trong các Khu công nghiệp - Khu công nghệ do đơn vị mình quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu quy định tại điểm a, b, d khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện và Phòng được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công tác quản lý dưới đây đối với các công trình xây dựng trên địa bàn huyện quản lý, ngoài các Khu công nghiệp – Khu công nghệ:

a) Tổ chức giám định xây dựng theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đối với công trình cấp III trở xuống thuộc dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư hoặc phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư;

b) Rà soát các công trình xây dựng thuộc đối tượng phải đánh giá an toàn công trình trên địa bàn quản lý và đề xuất lộ trình thực hiện việc đánh giá an toàn công trình; gửi báo cáo kết quả về Sở Xây dựng, Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

c) Tiếp nhận hồ sơ và cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đối với công trình cấp III trở xuống thuộc dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư hoặc phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư;

d) Xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

đ) Thực hiện nội dung xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế quy định tại điểm a khoản 6 Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

Rà soát các công trình xây dựng thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 6 Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, gửi báo cáo kết quả về Sở Xây dựng, Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý theo thẩm quyền;

e) Chỉ đạo, thực hiện quy định phá dỡ công trình xây dựng theo Điều 42 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đối với công trình thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định;

g) Giải quyết sự cố công trình xây dựng theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đối với sự cố cấp III xảy ra ở công trình xây dựng cấp III trở xuống thuộc dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư hoặc phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư;

i) Giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đối với sự cố cấp III xảy ra ở công trình xây dựng cấp III trở xuống thuộc dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư hoặc phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư;

k) Giải quyết sự cố về máy, thiết bị theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đối với sự cố xảy ra ở công trình thuộc dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư hoặc phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư;

l) Điều tra sự cố về máy, thiết bị theo quy định tại Điều 50 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đối với sự cố xảy ra ở công trình thuộc dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư hoặc phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các nội dung dưới đây đối với các công trình xây dựng trên địa bàn huyện quản lý, ngoài các Khu công nghiệp – Khu công nghệ:

a) Sau khi tiếp nhận thông tin sự cố công trình xây dựng hoặc sự cố về máy, thiết bị theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 44 hoặc khoản 1 Điều 49 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải gửi báo cáo sự cố đến Sở Xây dựng, Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xử lý theo thẩm quyền;

b) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành trong việc tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng, tổ chức điều tra sự cố về máy, thiết bị;

c) Tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Phòng được giao quản lý xây dựng (*Phòng Quản lý đô thị hoặc Phòng Kinh tế Hạ tầng*) thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu các công trình xây dựng như sau:

a) Đối với thành phố Biên Hòa, huyện Long Thành, huyện Nhơn Trạch: Kiểm tra công tác nghiệm thu các công trình xây dựng thuộc dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng chỉ có công trình xây dựng cấp III trở xuống do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư hoặc phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư.

b) Đối với thành phố Long Khánh và các huyện còn lại: Kiểm tra công tác nghiệm thu các công trình thuộc dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho phòng thẩm định thiết kế, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu quy định tại điểm a, b, d khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 7. Quy định chuyển tiếp

1. Dự án, công trình đã được tiếp nhận hồ sơ trước ngày Quy định này có hiệu lực mà cơ quan thực hiện chưa thông báo kết quả cho chủ đầu tư thì được tiếp tục thực hiện theo các quy định hoặc văn bản về phân công, phân cấp, ủy quyền liên quan nội dung quản lý chất lượng công trình xây dựng đã có trước ngày Quy định này có hiệu lực.

2. Đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng đã được phê duyệt trước ngày Quy định này có hiệu lực thì hành mà việc điều chỉnh dự án/thiết kế làm thay đổi cấp công trình thuộc dự án thì trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo Quy định này.

3. Khi các văn bản pháp luật được viện dẫn để áp dụng Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 8. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng Sở Xây dựng, Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; Trưởng các Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Trưởng Phòng được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định của Nhà nước và Quy định này.

2. Trong phạm vi biên chế và kinh phí được giao hàng năm, Thủ trưởng Sở Xây dựng, Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; Trưởng các Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thủ trưởng các phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm bố trí nguồn lực, củng cố tổ chức, phân công nhiệm vụ cho các đơn vị, cá nhân trực thuộc thực hiện công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh theo Quy định này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi báo cáo quy định tại điểm m khoản 1 Điều 3, điểm c khoản 2 Điều 4, điểm c khoản 2 Điều 4 Quy định này đến Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng theo định kỳ trước ngày 25 tháng 11 hằng năm và khi có yêu cầu báo cáo đột xuất; Sở Xây dựng, Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo thời gian quy định.

4. Đối với trường hợp dự án gồm nhiều hạng mục/công trình có loại và cấp công trình khác nhau thuộc đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP: Khi có công trình yêu cầu kiểm tra về chuyên môn kỹ thuật khác chuyên ngành quản lý của cơ quan chủ trì kiểm tra công tác nghiệm thu, cơ quan quản lý xây dựng chuyên ngành tương ứng cử nhân sự tham gia kiểm tra khi có đề nghị của cơ quan chủ trì kiểm tra.

5. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Xây dựng để được hướng dẫn hoặc tổng hợp báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền./.